

Bản án số: 47/2021/HS-ST
Ngày: 13/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Qui

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Xuân Ty

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:*
Ông Phan Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn T**; tên gọi khác: Bi; sinh năm 1994; nơi sinh: Bắc Giang; nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã HG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Đường H, phường TT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn B, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1966, cư trú tại : Thôn B, xã HG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; vợ, con: chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

Nhân thân: Ngày 29/7/2020 Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Vi Văn C, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn L, xã HG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2/ Anh Vi Văn G, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn K, xã HG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3/ Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn L, xã HG, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

4/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

5/ Chị Đào Thị Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ: Đường L, Phường M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1965; Địa chỉ: Đường H, Phường M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

7/ Bà Hoàng Thị Minh L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Đường P, Phường M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

8/ Anh Lê Công V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 69 Đường D, phường P, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

9/ Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1983; Địa chỉ: Đường Đ, Phường N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

10/ Chị Đặng Thị Hoàng V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường T, phường M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

11/ Anh Nguyễn Khánh P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Đường B, Phường M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

12/ Anh Bùi Đức N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

13/ Ông Cù Chính Q, sinh năm 1949; Địa chỉ: Đường X, Phường N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

14/ Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1983; Địa chỉ: Đường G, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

15/ Chị Tống Thị Mỹ B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường Q, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

16/ Chị Tống Thị Kim K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Đường Q, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

17/ Chị Cao Thị Bích H2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

18/ Anh Nguyễn Thanh Hoàng S, sinh năm 1991; Địa chỉ: Đường B, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

19/ Chị Bạch Thị Bạch Y, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đường H, Phường M, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

20/ Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Đường K, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

21/ Anh Bùi Khắc U, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã ĐL, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

22/ Anh Lê Văn A2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn B, xã ĐL, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

23/ Anh Dương Văn X, sinh năm 1986; Địa chỉ: Đường X, phường T, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

24/ Chị Hà Thị Ngọc O, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường S, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2018, Bùi Văn T, đi từ Bắc Giang vào Tp. Bảo Lộc sinh sống. Từ tháng 11/2018 Bùi Văn T sử dụng số tiền 60.000.000 đồng hoạt động cho vay trả góp lấy lãi. Để thực hiện hoạt động cho vay, T in khoảng 5000 tờ rơi với nội dung “Cho vay trả góp” số điện thoại liên lạc là 0333.531.814 và rải khắp các con đường

ở Tp. Bảo Lộc. Khi có người liên lạc vay tiền thì T hẹn gặp ở quán cà phê và thỏa thuận việc vay tiền, T yêu cầu người vay viết 01 giấy vay tiền và đưa giấy tờ tùy thân cho T sau đó T mang về để vào túi treo ở góc cây mít phía trước phòng trọ, ngoài ra T còn đến nhà của những người vay để kiểm tra thực tế trước khi cho vay tiền. Sau khi cho vay tiền, 01 số trường hợp thì Bùi Văn T hẹn gặp người vay để lấy tiền trả góp mỗi ngày, 01 số trường hợp thì Bùi Văn T để người vay trả tiền bằng cách chuyển khoản vào số tài khoản 104869643264 của ngân hàng Vietinbank.

Bùi Văn T cho khoảng 27 người tại địa bàn Tp. Bảo Lộc vay với số tiền dao động từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, trả góp theo ngày (số tiền trả góp tùy vào số tiền vay) trong vòng 25 ngày, ngoài ra T còn thu tiền phí là 50.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay.

Hình thức vay cụ thể như sau:

- Với số tiền 3.000.000 đồng, thì hàng ngày người vay trả góp cho T số tiền 150.000 đồng (bao gồm tiền gốc và lãi) trong vòng 25 ngày, thu phí số tiền 150.000 đồng. Như vậy, lãi suất là 01%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, gấp 18,25 lần so với quy định của pháp luật, thu lợi bất chính số tiền 858.904 đồng.

- Với số tiền 20.000.000 đồng, thì hàng ngày người vay trả góp cho T số tiền 1.000.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và lãi) trong vòng 25 ngày, thu phí số tiền 1.000.000 đồng. Như vậy, lãi suất là 01%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, gấp 18,25 lần so với quy định của pháp luật, thu lợi bất chính số tiền 5.726.027 đồng.

Trường hợp người vay không có tiền trả thì T để họ trả chậm nhưng phải đủ 25 ngày, ngoài ra T thường xuyên đến nhà yêu cầu người vay trả tiền, T không có hành vi đe dọa, đánh đập người vay.

Bùi Văn T lưu tên và số điện thoại của người vay trong danh bạ ĐTDĐ Nokia, không lưu trong sổ sách hay máy tính, ngoài ra khi cho vay tiền và thu tiền góp của 01 số trường hợp T lưu thông tin vào mục ghi chú của ĐTDĐ Iphone, khi thấy mục ghi chú nhiều thì T tiến hành xóa tuy nhiên thông tin trên vẫn nằm trong mục “đã xóa” của ĐTDĐ Iphone.

Tại Tp. Bảo Lộc, Bùi Văn T đã cho 27 người vay tiền trả góp, tổng số tiền gốc cộng dồn để cho vay là 402.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 365%/năm, vượt mức lãi suất cho phép của Bộ luật dân sự là 18,25 lần, tổng tiền lãi đã thu là 73.870.000 đồng (*trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 4.044.384 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 69.825.616 đồng*), số tiền thu phí là 19.900.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 89.725.616 đồng, người vay còn nợ số tiền là 133.450.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 106.820.000 đồng, tiền lãi là 26.630.000 đồng*). Trong đó có 06 trường hợp vay tiền mà Cơ quan CSĐT – Công an Tp. Bảo Lộc chưa làm việc được xác định Bùi Văn T đã sử dụng số tiền 61.000.000 đồng để cho vay, với lãi suất cho vay là 365%/năm, vượt mức lãi suất cho phép của Bộ luật dân sự là 18,25 lần, tổng tiền lãi đã thu là 9.690.000 đồng (*trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 530.959 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 9.159.041 đồng*), số tiền thu phí là 3.050.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 12.209.041 đồng, người vay còn nợ số tiền là 27.800.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 22.240.000 đồng, tiền lãi là 5.560.000 đồng*). Đối với **21** trường hợp người vay tiền mà Cơ quan CSĐT – Công an Tp. Bảo Lộc làm việc được xác định T đã sử dụng số tiền **341.000.000** đồng để cho vay với lãi suất cho vay là **365%/năm**, vượt mức lãi suất cho phép của Bộ luật dân sự là **18,25**

lần, tổng tiền lãi đã thu là **64.180.000** đồng (trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là **3.513.425** đồng, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là **60.666.575** đồng), số tiền thu phí là **16.850.000** đồng, số tiền thu lợi bất chính là **77.516.575** đồng, người vay còn nợ số tiền là **105.650.000** đồng (trong đó tiền gốc là **84.580.000** đồng, tiền lãi là **21.070.000** đồng). Cụ thể:

1/ Anh **Nguyễn Văn H**: **Bùi Văn T** cho anh **Nguyễn Văn H** vay tổng cộng 04 lần, trong đó có 02 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 15.000.000 đồng, tiền thu phí là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 482.191 đồng. Như vậy, **Bùi Văn T** đã thu lợi bất chính số tiền **11.317.809** đồng, anh **H** còn nợ số tiền 31.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 24.800.000 đồng, tiền lãi là 6.200.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 30/3/2019, **Bùi Văn T** cho anh **H** vay góp số tiền là 20.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng và thu phí là 1.000.000 đồng. Lần này **T** đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 25.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 13/4/2019, **Bùi Văn T** cho anh **H** vay góp số tiền là 20.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng và thu phí là 1.000.000 đồng. Lần này **T** đã thu được 6 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng, còn nợ **T** số tiền là 19.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 15.200.000 đồng, tiền lãi là 3.800.000 đồng).

- Lần thứ ba: Ngày 05/4/2019, **Bùi Văn T** cho anh **H** vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này **T** đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 18/4/2019, **Bùi Văn T** cho anh **H** vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này **T** đã thu được 1 ngày với số tiền là 500.000 đồng, còn nợ **T** số tiền là 12.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 9.600.000 đồng, tiền lãi là 2.400.000 đồng).

2/ Bà **Đào Thị Đ**: **Bùi Văn T** cho bà **Đào Thị Đ** vay tổng cộng 04 lần, trong đó có 02 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 8.750.000 đồng, tiền thu phí là 1.750.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 402.739 đồng. Như vậy, **Bùi Văn T** đã thu lợi bất chính số tiền **8.697.261** đồng, bà **Đ** còn nợ số tiền 7.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.600.000 đồng, tiền lãi là 1.400.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 16/3/2019, **Bùi Văn T** cho bà **Đ** vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này **T** đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 30/3/2019, **Bùi Văn T** cho bà **Đ** vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này **T** đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 8/4/2019, **Bùi Văn T** cho bà **Đ** vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng.

Lần này T đã thu được 11 ngày với số tiền là 2.750.000 đồng, còn nợ T số tiền là 3.500.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 2.800.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng)

- Lần thứ tư: Ngày 12/4/2019, Bùi Văn T cho bà Đ vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu được 18 ngày với số tiền là 9.000.000 đồng, còn nợ T số tiền là 3.500.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 2.800.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng).

3/ Bà **Nguyễn Thị Hồng A**: Bùi Văn T cho bà Nguyễn Thị Hồng A vay tổng cộng 04 lần, trong đó có 03 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 8.750.000 đồng, tiền thu phí là 1.750.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 441.095 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **9.358.905** đồng, bà A còn nợ số tiền 3.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.800.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 10/02/2019, Bùi Văn T cho bà A vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 26/02/2019, Bùi Văn T cho bà A vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 14/3/2019, Bùi Văn T cho bà A vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 01/4/2019, Bùi Văn T cho bà A vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu được 18 ngày với số tiền là 9.000.000 đồng, còn nợ T số tiền là 3.500.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 2.800.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng).

4/ Bà **Hoàng Thị Minh L**: Bùi Văn T cho bà Hoàng Thị Minh L vay tổng cộng 02 lần, trong đó có 01 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 2.500.000 đồng, tiền thu phí là 500.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 84.931 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **1.965.069** đồng, bà L còn nợ số tiền 4.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.800.000 đồng, tiền lãi là 950.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 10/3/2019, Bùi Văn T cho bà L vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 13/4/2019, Bùi Văn T cho bà L vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu được 6 ngày với số tiền là 1.500.000 đồng, còn nợ T số tiền là 4.750.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 3.800.000 đồng, tiền lãi là 950.000 đồng)

5/ Anh **Lê Công V**: Bùi Văn T cho anh Lê Công V vay tổng cộng 02 lần, trong đó có 01 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 5.000.000 đồng, tiền thu phí là 1.000.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 213.698 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **4.686.302** đồng, anh V còn nợ số tiền 5.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.400.000 đồng, tiền lãi là 1.100.000 đồng), cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 10/3/2019, Bùi Văn T cho anh V vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 07/4/2019, Bùi Văn T cho anh V vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu được 14 ngày với số tiền là 7.000.000 đồng, còn nợ T số tiền là 5.500.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 4.400.000 đồng, tiền lãi là 1.100.000 đồng).

6/ Anh **Nguyễn Quang M**: Bùi Văn T cho anh Nguyễn Quang M vay tổng cộng 02 lần, trong đó có 02 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 2.500.000 đồng, tiền thu phí là 500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 136.986 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **2.863.014** đồng, gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 17/3/2019, Bùi Văn T cho anh M vay góp số tiền là 6.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng và thu phí là 300.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 7.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 05/4/2019, Bùi Văn T cho anh M vay góp số tiền là 4.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng và thu phí là 200.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 5.000.000 đồng.

7/ Chị **Đặng Thị Hoàng V**: Bùi Văn T cho chị Đặng Thị Hoàng V vay tổng cộng 04 lần, trong đó có 03 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 6.250.000 đồng, tiền thu phí là 1.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 238.356 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **5.361.644** đồng, chị V còn nợ số tiền 9.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 7.600.000 đồng, tiền lãi là 1.900.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: tháng 11/2018, Bùi Văn T cho chị V vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ hai: tháng 3/2019, Bùi Văn T cho chị V vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ ba: tháng 3/2019, Bùi Văn T cho chị V vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 13/4/2019, Bùi Văn T cho chị V vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu được 6 ngày với số tiền là 3.000.000 đồng, còn nợ T số tiền là 9.500.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 7.600.000 đồng, tiền lãi là 1.900.000 đồng).

8/ **Chị Nguyễn Khánh P:** *Bùi Văn T cho chị Nguyễn Khánh P vay tổng cộng 02 lần, trong đó có 01 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 2.500.000 đồng, tiền thu phí là 500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 112.329 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 2.437.671 đồng, chị P còn nợ số tiền 2.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.800.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:*

- Lần thứ nhất: ngày 20/3/2020, Bùi Văn T cho chị P vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 03/4/2019, Bùi Văn T cho chị P vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu được 16 ngày với số tiền là 4.000.000 đồng, còn nợ T số tiền là 2.250.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 1.800.000 đồng, tiền lãi là 450.000 đồng).

9/ **Anh Bùi Đức N:** *Bùi Văn T cho anh Bùi Đức N vay tổng cộng 02 lần, trong đó có 01 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 8.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 2.000.000 đồng, tiền thu phí là 400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 83.288 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 1.836.712 đồng, anh N còn nợ số tiền 2.400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.920.000 đồng, tiền lãi là 480.000 đồng), cụ thể như sau:*

- Lần thứ nhất: Ngày 20/3/2019, Bùi Văn T cho anh N vay góp số tiền là 4.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng và thu phí là 200.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 5.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 06/4/2019, Bùi Văn T cho anh N vay góp số tiền là 4.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng và thu phí là 200.000 đồng. Lần này T đã thu được 13 ngày với số tiền là 2.600.000 đồng, còn nợ T số tiền là 2.400.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 1.920.000 đồng, tiền lãi là 480.000 đồng).

10/ **Ông Cù Chính Q:** *Bùi Văn T cho ông Cù Chính Q vay tổng cộng 02 lần, trong đó có 02 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 2.500.000 đồng, tiền thu phí là 500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 136.986 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 2.863.014 đồng, gồm các lần vay cụ thể như sau:*

- Lần thứ nhất: Ngày 13/3/2019, Bùi Văn T cho ông Q vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 26/3/2019, Bùi Văn T cho ông Q vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

11/ Chị **Nguyễn Thị Kim S**: *Bùi Văn T cho chị Nguyễn Thị Kim S vay 01 lần chưa hoàn thành việc thanh toán. Số tiền gốc cho vay là 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 1.500.000 đồng, tiền thu phí là 300.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 420.000đ, tiền lãi được hưởng theo quy định là 23.014 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **696.986** đồng chị S còn nợ số tiền 5.400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.320.000 đồng, tiền lãi là 1.080.000 đồng), cụ thể như sau:*

- Vào ngày 11/4/2019, Bùi Văn T cho chị S vay góp số tiền là 6.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng và thu phí là 300.000 đồng. Lần này T đã thu được 7 ngày với số tiền là 2.100.000 đồng, còn nợ T số tiền là 5.400.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 4.320.000 đồng, tiền lãi là 1.080.000 đồng).

12/ Chị **Tổng Thị Mỹ B**: *Bùi Văn T cho chị Tổng Thị Mỹ B vay 01 lần chưa hoàn thành việc thanh toán. Số tiền gốc cho vay là 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 1.000.000 đồng, tiền thu phí là 200.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 120.000đ, tiền lãi được hưởng theo quy định là 6.575 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **313.425** đồng chị B còn nợ số tiền 4.400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.520.000 đồng, tiền lãi là 880.000 đồng), cụ thể như sau:*

- Vào ngày 17/4/2019, Bùi Văn T cho chị B vay góp số tiền là 4.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng và thu phí là 200.000 đồng. Lần này T đã thu được 3 ngày với số tiền là 600.000 đồng, còn nợ T số tiền là 4.400.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 3.520.000 đồng, tiền lãi là 880.000 đồng).

13/ Chị **Tổng Thị Kim K**: *Bùi Văn T cho chị Tổng Thị Kim K vay tổng cộng 02 lần, trong đó có 01 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 3.000.000 đồng, tiền thu phí là 600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 118.356 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **2.701.644** đồng chị K còn nợ số tiền 4.200.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.420.000 đồng, tiền lãi là 780.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:*

- Lần thứ nhất: Ngày 19/3/2019, Bùi Văn T cho chị K vay góp số tiền là 6.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng và thu phí là 300.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 7.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 08/4/2019, Bùi Văn T cho chị K vay góp số tiền là 6.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng và thu phí là 300.000 đồng. Lần này T đã thu được 11 ngày với số tiền là 3.300.000 đồng, còn nợ T số tiền là 4.200.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 3.420.000 đồng, tiền lãi là 780.000 đồng)

14/ Chị **Cao Thị Bích H2**: *Bùi Văn T cho chị Cao Thị Bích H2 vay 01 lần chưa hoàn thành việc thanh toán. Số tiền gốc cho vay là 8.000.000 đồng, lãi suất*

thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 2.000.000 đồng, tiền thu phí là 400.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 800.000đ, tiền lãi được hưởng theo quy định là 43.836 đ. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **1.156.164** đồng, chị H2 còn nợ số tiền 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.800.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng), cụ thể như sau:

- Vào ngày 14/3/2019, Bùi Văn T cho chị H2 vay góp số tiền là 8.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng và thu phí là 400.000 đồng. Lần này T đã thu được 10 ngày với số tiền là 4.000.000 đồng, còn nợ T số tiền là 6.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 4.800.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng).

15/ Anh **Nguyễn Thanh Hoàng S1**: Bùi Văn T cho anh Nguyễn Thanh Hoàng S1 vay 01 lần chưa hoàn thành việc thanh toán. Số tiền gốc cho vay là 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 1.250.000 đồng, tiền thu phí là 250.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 300.000đ, tiền lãi được hưởng theo quy định là 16.438 đ. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **533.562** đồng, anh S1 còn nợ số tiền 4.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.800.000 đồng, tiền lãi là 950.000 đồng), cụ thể như sau:

- Vào ngày 12/4/2019, Bùi Văn T cho anh S1 vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu được 6 ngày với số tiền là 1.500.000 đồng, còn nợ T số tiền là 4.750.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 3.800.000 đồng, tiền lãi là 950.000 đồng).

16/ Chị **Bạch Thị Bạch Y**: Bùi Văn T cho chị Bạch Thị Bạch Y vay 01 lần chưa hoàn thành việc thanh toán. Số tiền gốc cho vay là 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 1.000.000 đồng, tiền thu phí là 200.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 80.000đ, tiền lãi được hưởng theo quy định là 4.384 đ. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **275.616** đồng, chị Y còn nợ số tiền 4.600.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.680.000 đồng, tiền lãi là 920.000 đồng), cụ thể như sau:

- Vào ngày 18/4/2019, Bùi Văn T cho chị Y vay góp số tiền là 4.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng và thu phí là 200.000 đồng. Lần này T đã thu được 2 ngày với số tiền là 400.000 đồng, còn nợ T số tiền là 4.600.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 3.680.000 đồng, tiền lãi là 920.000 đồng).

17/ Bà **Nguyễn Thị Thanh H1**: Bùi Văn T cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 vay 01 lần chưa hoàn thành việc thanh toán. Số tiền gốc cho vay là 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 1.000.000 đồng, không thu tiền phí. Số tiền lãi đã thu là 320.000đ, tiền lãi được hưởng theo quy định là 17.534 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **302.466** đồng, chị H1 còn nợ số tiền 3.400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.720.000 đồng, tiền lãi là 680.000 đồng), cụ thể như sau:

- Vào ngày 12/4/2019, Bùi Văn T cho bà H1 vay góp số tiền là 4.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng và thu phí là 200.000 đồng. Lần này T đã thu được 8 ngày với số tiền là 1.600.000 đồng, còn nợ T số tiền là 3.400.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 2.720.000 đồng, tiền lãi là 680.000 đồng).

18/ Anh **Bùi Khắc U**: Bùi Văn T cho anh Bùi Khắc U vay 01 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Số tiền gốc cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi

thỏa thuận là 2.500.000 đồng, tiền thu phí là 500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 136.986 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **2.863.014** đồng, cụ thể như sau:

- Vào ngày 07/3/2019, Bùi Văn T cho anh U vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

19/ Anh **Lê Văn A2**: Bùi Văn T cho anh Lê Văn A2 vay tổng cộng 01 lần chưa hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 1.500.000 đồng, tiền thu phí là 300.000 đồng. Số tiền lãi đã thu là 1.380.000đ, tiền lãi được hưởng theo quy định là 75.616 đ. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **1.604.384** đồng, anh A2 còn nợ số tiền 600.000 đồng (trong đó tiền gốc là 480.000 đồng, tiền lãi là 120.000 đồng), cụ thể như sau:

- Vào ngày 25/3/2019, Bùi Văn T cho anh A2 vay góp số tiền là 6.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng và thu phí là 300.000 đồng. Lần này T đã thu được 23 ngày với số tiền là 6.900.000 đồng, còn nợ T số tiền là 600.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 480.000 đồng, tiền lãi là 120.000 đồng).

20/ Anh **Dương Văn X**: Bùi Văn T cho anh Dương Văn X vay tổng cộng 03 lần, trong đó có 02 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 27.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 6.750.000 đồng, tiền thu phí là 1.350.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 326.028 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **6.973.972** đồng, anh X còn nợ số tiền là 4.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 3.200.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 25/02/2019, Bùi Văn T cho anh X vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và thu phí là 250.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 6.250.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 07/3/2019, Bùi Văn T cho anh X vay góp số tiền là 12.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng và thu phí là 600.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 15.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 02/4/2019, Bùi Văn T cho anh X vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu được 17 ngày với số tiền là 8.500.000 đồng, còn nợ T số tiền là 4.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 3.200.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng).

21/ Chị **Hà Thị Ngọc O**: Bùi Văn T cho chị Hà Thị Ngọc O vay tổng cộng 03 lần, trong đó có 02 lần đã hoàn thành việc thanh toán. Tổng số tiền gốc cho vay là 32.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, tiền lãi thỏa thuận là 8.000.000 đồng, tiền thu phí là 1.600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 412.054 đồng. Như vậy, Bùi Văn T đã thu lợi bất chính số tiền **8.707.946** đồng, chị O còn nợ số tiền là 2.400.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 1.920.000 đồng, tiền lãi là 480.000 đồng), gồm các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: vào tháng 02/2019, Bùi Văn T cho chị O vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: vào tháng 03/2019, Bùi Văn T cho chị O vay góp số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng và thu phí là 500.000 đồng. Lần này T đã thu đủ 25 ngày với số tiền là 12.500.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 26/3/2019, Bùi Văn T cho chị O vay góp số tiền là 12.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng và thu phí là 600.000 đồng. Lần này T đã thu được 21 ngày với số tiền là 12.600.000 đồng, còn nợ T số tiền là 2.400.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 1.920.000 đồng, tiền lãi là 480.000 đồng).

Về vật chứng: *Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu:*

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250384421 cấp ngày 30/3/2013, mang tên Bạch Thị Bạch Y, sinh năm: 1977, HKTT: số 70 đường H, phường N, thành phố Bảo Lộc.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250556249, cấp ngày 25/3/2015, mang tên Cao Thị Bích H2, sinh năm: 1981, HKTT: số 92 đường S, phường N, thành phố Bảo Lộc.

+ 01 (một) bản sao có chứng thực giấy khai sinh của Hoàng Thanh P, sinh ngày 21/11/2008. Đăng kí ngày 15/01/2019.

+ Chứng minh nhân dân số 250529636, cấp ngày 17/10/2007, mang tên Tống Thị Mỹ B, sinh năm: 1984, HKTT: khu phố 7, phường B, thành phố Bảo Lộc.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250229977 cấp ngày 03/10/2017, mang tên Đoàn Ngọc T, sinh năm: 1967, HKTT: số 148/2 đường H, phường M, thành phố Bảo Lộc.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250605728 cấp ngày 23/4/2016, mang tên Đặng Ngọc Đ, sinh năm: 1986, HKTT: số 106 đường X, phường M, thành phố Bảo Lộc.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250340795 cấp ngày 26/6/2010, mang tên Phạm Thị Thanh T, sinh năm: 1993, HKTT: thị trấn LT, huyện Bảo Lâm.

Ngoài ra, Cơ quan CSĐT – Công an Tp. Bảo Lộc còn tạm giữ các tài liệu, đồ vật sau:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen tím, Imei 1: 8657004444207 có gắn sim số 0827618626.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, số Imei: 354436060092309 có gắn sim số 0393107601.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352891105863738 có gắn sim số 0332531814.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352876108365864.

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imei: 357994055784287.

+ 05 (năm) kilogram giấy in chữ “Cho vay trả góp; Yêu cầu: CMND – sổ hộ khẩu; giấy khai sinh, cà vẹt xe, liên hệ số ĐT: 03332.531.814.

+ 01 (một) xe mô tô biển số 49M1 – 140.02, số máy: JA39E0102876; số khung: 3904HY102825 và 01 (một) giấy đăng kí xe mang tên Đỗ Văn T.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn T số 122192511 cấp ngày 09/8/2012 nơi cấp Công an Bắc Giang.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân số 122257307, mang tên Vi Văn C cấp ngày 09/4/2014 nơi cấp Công an Bắc Giang.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số AP 099456 mang tên Vi Văn G.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSBL, ngày 25 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc truy tố các bị cáo Bùi Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

+ Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp lại số tiền dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội là 344.513.425đ (trong đó tiền cho vay gốc là 341.000.000đ và lãi suất 20%/năm là 3.513.425đ) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Bùi Văn T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính (tiền thu phí và tiền lãi thu lợi bất chính) là 77.516.575 đồng.

+ Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền vay gốc là 84.580.000đồng.

+ Giao Công an thành phố Bảo Lộc: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352876108365864 để tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền.

+ Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) kilogram giấy in chữ: “Cho vay trả góp; Yêu cầu: CMND – sổ hộ khẩu; giấy khai sinh, cà vẹt xe, liên hệ số ĐT: 03332.531.814”.

+ Trả cho Vi Văn C: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen tím, Imei 1: 8657004444207 có gắn sim số 0827618626 và 01 (một) chứng minh nhân dân số 122257307, mang tên Vi Văn C cấp ngày 09/4/2014 nơi cấp Công an Bắc Giang.

+ Trả cho Vi Văn G: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imei: 357994055784287 và 01 (một) giấy phép lái xe số AP 099456 mang tên Vi Văn G.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, số Imei: 354436060092309 có gắn sim số 0393107601; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352891105863738 có gắn sim số 0332531814 và 01 (một) xe mô tô biển số 49M1 – 140.02, số máy: JA39E0102876; số khung: 3904HY102825 và 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Đỗ Văn T1, do anh T1 đã bán cho cửa hàng xe, cửa hàng xe đã bán cho anh T.

+ Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn T số 122192511 cấp ngày 09/8/2012 nơi cấp Công an Bắc Giang.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Bị cáo T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến gì về bản Cáo trạng và không có tranh luận, đối đáp gì với Kiểm sát viên.

+ Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 4/2019 bị cáo Bùi Văn T vào thành phố Bảo Lộc để sinh sống và sử dụng số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để cho 21 người vay tiền trả góp theo ngày, với tổng số tiền gốc cộng dồn để cho vay lên tới **341.000.000** đồng, với lãi suất 01%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tổng số tiền lãi đã thu là **64.180.000** đồng (*trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 3.513.425 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 60.666.575 đồng*), số tiền thu phí là **16.850.000** đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là **77.516.575** đồng. Người vay còn nợ số tiền là **105.650.000** đồng (*trong đó tiền gốc là 84.580.000 đồng, tiền lãi là 21.070.000 đồng*).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.”...

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước và gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương, cho vay lãi suất gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 18/CT-VKS, ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính và còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào điều kiện hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội, vì vậy cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo.

Về nhân thân: Ngày 29/7/2020, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố Bùi Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng hình phạt tiền cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét, gồm: 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250384421 cấp ngày 30/3/2013, mang tên Bạch Thị Bạch Y; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250556249, cấp ngày 25/3/2015, mang tên Cao Thị Bích H2, và 01 (một) bản sao có chứng thực giấy khai sinh của Hoàng Thanh P, sinh ngày 21/11/2008. Đăng kí ngày 15/01/2019; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 250529636, cấp ngày 17/10/2007, mang tên Tống Thị Mỹ B; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250229977 cấp ngày 03/10/2017, mang tên Đoàn Ngọc T; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250605728 cấp ngày 23/4/2016, mang tên Đặng Ngọc Đ; 01 (một) chứng minh nhân dân số: 250340795 cấp ngày 26/6/2010, mang tên Phạm Thị Thanh T.

- Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu điện tử liên quan đến hoạt động cho vay góp giao kèm hồ sơ vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

- Trả cho Vi Văn C: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen tím, Imei 1: 8657004444207 có gắn sim số 0827618626 và 01 (một) chứng minh nhân dân số 122257307, mang tên Vi Văn C cấp ngày 09/4/2014 nơi cấp Công an Bắc Giang đây là giấy tờ tùy thân và tài sản cá nhân của C, không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả cho Vi Văn G: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imei: 357994055784287 và 01 (một) giấy phép lái xe số AP 099456 mang tên Vi Văn G đây là giấy tờ tùy thân và tài sản cá nhân của G, không liên quan đến việc phạm tội.

- Giao Công an thành phố Bảo Lộc: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352876108365864 để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật do chưa xác định được chủ sở hữu.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, số Imei: 354436060092309 có gắn sim số 0393107601; 01 (một) điện

thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352891105863738 có gắn sim số 0332531814 và 01 (một) xe mô tô biển số 49M1 – 140.02, số máy: JA39E0102876; số khung: 3904HY102825 và 01 (một) giấy đăng kí xe mang tên Đỗ Văn Tuấn, do anh Tuấn đã bán cho cửa hàng xe, cửa hàng xe đã bán cho anh T. T sử dụng xe này làm phương tiện để cho vay và thu lợi bất chính.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn T số 122192511 cấp ngày 09/8/2012 nơi cấp Công an Bắc Giang.

- Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) kilogram giấy in chữ “Cho vay trả góp; Yêu cầu: CMND – sổ hộ khẩu; giấy khai sinh, cà vẹt xe, liên hệ số ĐT: 03332.531.814

- + Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp lại số tiền dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội là 344.513.425đ (trong đó tiền cho vay gốc là 341.000.000đ và lãi suất 20%/năm là 3.513.425đ) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- + Buộc bị cáo Bùi Văn T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính (tiền thu phí và tiền lãi thu lợi bất chính) là 77.516.575đ

- + Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền vay gốc là 84.580.000đ để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6] Các vấn đề khác:

Ngoài ra quá trình điều tra xác định Bùi Văn T còn cho 06 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 61.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 365%/năm, vượt mức lãi suất cho phép của Bộ luật dân sự là 18,25 lần, tổng lãi suất đã thu là 9.690.000 đồng (*trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 530.959 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 9.159.041 đồng*), số tiền thu phí là 3.050.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 12.209.041 đồng, người vay còn nợ số tiền là 27.800.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 22.240.000 đồng, tiền lãi là 5.560.000 đồng*). Tuy nhiên đối với 06 người vay trên không rõ nơi cư trú, nhân thân, lai lịch, không có mặt tại địa phương nên chưa tiến hành làm việc được. Do đó, Cơ quan CSĐT – Công an Tp. Bảo Lộc tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là có căn cứ.

Đối với Vi Văn C đã cùng T cho 01 người phụ nữ vay số tiền 4.000.000 đồng, thu tiền phí là 150.000 đồng, thu tiền góp 01 ngày là 150.000 đồng, trả góp trong 25 ngày. Số tiền thu lợi bất chính chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Vi Văn G đã cho 10 người trên địa bàn thành phố Bảo Lộc vay tiền. Trong đó, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Bảo Lộc đã làm việc được với 7 trường hợp vay tiền của Vi Văn G trên địa bàn thành phố Bảo Lộc với tổng số tiền gốc cho vay là 89.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 365%/năm, vượt mức lãi suất cho phép của Bộ luật dân sự là 18,25 lần. Tổng tiền lãi đã thu là 16.060.000 đồng (*trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 1.004.932 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 15.055.068 đồng*), số tiền thu phí là 3.650.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 18.705.068 đồng, người vay còn nợ số tiền là 27.950.000 đồng. Do đó, hành vi của Vi Văn G không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Tấn D đã cho 23 trường hợp trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, Công an huyện Bảo Lâm và huyện Đạ Tẻh vay tiền. Trong đó, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Bảo Lộc đã làm việc và đối chiếu các khoản vay giữa Nguyễn Tấn D và 10 trường hợp vay tiền trên địa bàn thành phố Bảo Lộc tổng số tiền gốc cho vay là 138.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 365%/năm, vượt mức lãi suất

cho phép của Bộ luật dân sự là 18,25 lần. Tổng lãi suất đã thu là 23.050.000 đồng (trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định của pháp luật là 1.244.384 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 21.805.616 đồng), số tiền thu phí là 7.050.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 28.855.616 đồng, người vay còn nợ số tiền là 61.000.000 đồng.

Kết quả điều tra bổ sung xác định Nguyễn Tấn D khai nhận còn cho 04 trường hợp vay tiền tại địa bàn thành phố Bảo Lộc. Trong đó cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc được với 01 người với tổng số tiền cho vay là 7.000.000 đồng nhưng quá trình điều tra bổ sung không triệu tập làm việc được với Nguyễn Tấn D để đối chiếu xác nhận các khoản cho vay này giữa D với người vay tiền; Đối với 02 trường hợp còn lại, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch của người vay để tiến hành làm việc làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Tấn D. Do đó, Cơ quan điều tra tách hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Tấn D và vật chứng thu giữ của Nguyễn Tấn D ra để tiếp tục điều tra xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thế A là người đã rủ bị cáo Bùi Văn T và đối tượng Nguyễn Tấn D đến địa bàn Tp. Bảo Lộc để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra bổ sung vụ án chưa triệu tập làm việc được với đối tượng Nguyễn Thế A do đối tượng không có mặt tại địa phương để làm rõ hành vi của Nguyễn Thế A trong vụ án nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xử lý là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn T 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

+ Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp lại số tiền dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội là **344.513.425đ** (trong đó tiền cho vay gốc là 341.000.000đ và lãi suất 20%/năm là 3.513.425đ) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Bùi Văn T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính (tiền thu phí và tiền lãi thu lợi bất chính) là **77.516.575đ**, gồm: Nguyễn Văn H là 11.317.809đ (mười một triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ chín đồng); Đào Thị Đ là 8.697.261đ (tám triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi một đồng); Nguyễn Thị Hồng A là 9.358.907đ (chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bảy đồng); Hoàng Thị Minh L là 1.965.069đ (một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm sáu

mười chín đồng); Lê Công V là 4.686.302đ (bốn triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ hai đồng); Nguyễn Quang M là 2.863.013đ (hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng); Đặng Thị Hoàng V là 5.361.644đ (năm triệu ba trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); Nguyễn Khánh P là 2.437.671đ (hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng); Bùi Đức N là 1.836.712đ (một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng); Dương Văn X là 6.973.972đ (sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng); Cù Chính Q là 2.863.014đ (hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng); Nguyễn Thị Kim S là 696.986đ (sáu trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng); Tống Thị Mỹ B là 313.425đ (ba trăm mười ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng); Nguyễn Thanh Hoàng S là 533.562đ (năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng); Bạch Thị Bạch Y là 275.616đ (hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng); Nguyễn Thị Thanh H1 là 302.466đ (ba trăm lẻ hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng); Tống Thị Kim K là 2.701.644đ (hai triệu bảy trăm linh một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); Bùi Khắc U là 2.863.014đ (hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng); Lê Văn A2 là 1.604.384đ (một triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng); Cao Thị Bích H2 là 1.156.164đ (một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng); Hà Thị Ngọc O là 8.707.946đ (tám triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

+ Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền vay gốc là **84.580.000đ** để tịch thu sung ngân sách nhà nước, gồm: Nguyễn Văn H là 24.800.000đ (hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng); Đào Thị Đ là 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị Hồng A là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng); Hoàng Thị Minh L là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng); Lê Công V là 4.400.000đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); Đặng Thị Hoàng V là 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng); Nguyễn Khánh P là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng); Bùi Đức N là 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng); Dương Văn X là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị Kim S là 4.320.000đ (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); Tống Thị Mỹ B là 3.520.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng); Nguyễn Thanh Hoàng S là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng); Bạch Thị Bạch Y là 3.680.000đ (ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); Nguyễn Thị Thanh H1 là 2.720.000đ (hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng); Tống Thị Kim K là 3.420.000đ (ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng); Lê Văn A2 là 480.000đ (bốn trăm tám mươi nghìn đồng); Cao Thị Bích H2 là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng); Hà Thị Ngọc O là 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

- Trả cho Vi Văn C: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen tím, Imei 1: 8657004444207 có gắn sim số 0827618626 và 01 (một) chứng minh nhân dân số 122257307, mang tên Vi Văn C cấp ngày 09/4/2014 nơi cấp Công an Bắc Giang.

- Trả cho Vi Văn G: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imei: 357994055784287 và 01 (một) giấy phép lái xe số AP 099456 mang tên Vi Văn G.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, số Imei: 354436060092309 có gắn sim số 0393107601; 01 (một) điện

thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352891105863738 có gắn sim số 0332531814 và 01 (một) xe mô tô biển số 49M1 – 140.02, số máy: JA39E0102876; số khung: 3904HY102825 và 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Đỗ Văn T1.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn T số 122192511 cấp ngày 09/8/2012 nơi cấp Công an Bắc Giang.

- Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) kilogram giấy in chữ “Cho vay trả góp; Yêu cầu: CMND – sổ hộ khẩu; giấy khai sinh, cà vẹt xe, liên hệ số ĐT: 03332.531.814”

- Giao Công an thành phố Bảo Lộc: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imei: 352876108365864 để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/2/2020 giữa Công an Tp. Bảo Lộc và Chi cục Thi hành dân sự thành phố Bảo Lộc)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân thành phố Bảo Lộc;
- Công an thành phố Bảo Lộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A thành phố Bảo Lộc;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Qui